TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 432/2017/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 24 tháng 4 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 4 đường N, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Dư Quốc N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 118B Quốc lộ 22. ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 4 đường N, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Dư Quốc N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 118B Quốc lộ 22. ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 24/4/2017, Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2014, ngày 22/10/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Võ Thị Thanh H và ông Dư Quốc N không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Võ Thị Thanh H thỏa thuận chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006242 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà H được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN